

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2020/HSST

Ngày 23-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Duyên.

2. Ông Lý Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Anh- Kiểm sát viên và bà Âu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2020/HSST, ngày 12 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/8/1985; NĐKKHTT và chỗ ở hiện nay: Thôn XN, xã NH, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Con ông Nguyễn Văn Tiến và bà Tống Thị Liệu; Bị cáo có vợ là Ngô Kiều Chinh; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

2. Lý Văn H, sinh ngày 01/4/2001; NĐKKHTT : Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Thôn XN, xã NH, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 7/12; Con ông Lý Văn C và bà Tô Thị H (Đều đã chết); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ 24/02/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa** cho bị cáo Nguyễn Văn T: Luật sư Nguyễn Đức Năng - Công ty TNHH Năng & Partner - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà Vimenco E9 Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. (Vắng mặt);

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Hà Thị Minh C – Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt);

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Hoàng Hữu Đ, sinh ngày 06/4/1964. (Vắng mặt)

- Hoàng Thị H, sinh ngày 25/5/1967. (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Bản Đồn, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

- Hoàng Phúc Đ, sinh ngày 19/10/1980. (Vắng mặt)

- Triệu Thị L, sinh ngày 28/02/1978. (Vắng mặt)

- Hoàng Phúc T, sinh ngày 13/8/1979. (Vắng mặt)

- Bàn Hữu T, sinh ngày 12/4/1979. (Vắng mặt)

- Triệu Thị T, sinh ngày 16/6/1980. (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn KN, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

*** Người làm chứng:**

- Hoàng Phúc Đ, sinh ngày 19/10/1980. (Vắng mặt)

- Triệu Thị L, sinh ngày 28/02/1978. (Vắng mặt)

- Hoàng Phúc T, sinh ngày 13/8/1979. (Vắng mặt)

- Bàn Hữu T, sinh ngày 12/4/1979. (Vắng mặt)

- Triệu Thị T, sinh ngày 16/6/1980. (Vắng mặt)

- Lý Thị L, sinh ngày 03/6/1987. (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn KN, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

- Nguyễn Thị C, sinh ngày 09/10/1963. (Vắng mặt)

- Âu Đình D, sinh ngày 04/9/2004. (Vắng mặt)

- Hoàng Hữu T, sinh ngày 17/5/1988. (Vắng mặt)

- Hoàng Văn T, sinh ngày 04/6/2002. (Có mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Bản Đồn, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

- Hà Thị N, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bản Chang, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

- Nguyễn Văn Th, sinh ngày 08/3/2004. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn NT, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

*** Người giám hộ cho Âu Đình D:** Hà Thị Tùng, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bản Đồn, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

*** Người giám hộ cho Nguyễn Văn Th:** Hoàng Thị Thuyền, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn NT, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02 năm 2019, Nguyễn Văn T đến nhà ông Hoàng Hữu Đ và bà Hoàng Thị H để mua khu rừng của ông Đ tại khu vực Khau Khoang thuộc thôn Bản Đồn, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Ông Đ, bà H đồng ý chuyển nhượng cho Tùng với giá 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), Tùng trả trước 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), còn 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) sẽ trả sau khi làm thủ tục chuyển nhượng và sang tên thửa đất. Sau khi Tùng giao tiền thì ông Đ, bà H đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tùng để Tùng đi làm thủ tục chuyển nhượng (tuy nhiên đến nay chưa làm thủ tục chuyển nhượng). Sau khi mua được đất, Tùng đã giao cho Lý Văn H, (Tùng nhận Hội là em nuôi, Hội sống cùng với Tùng ở xã NH, huyện CM), để Hội thuê người cùng phát phá khu rừng trên. Khoảng tháng 7 năm 2019, Hội thuê Hoàng Hữu T cùng với Hội phát phá khu rừng trên. Cả hai thay nhau dùng cưa lóc cắt hạ những cây gỗ tạp có vòng dây kích thước to, rồi cắt thành từng đoạn dài 01 đến 02 mét. Sau 02 ngày cắt phá được một góc của khu rừng thì Hội nói với Tùng “Hai người mà phát phá thì mệt không làm được”, Tùng nói với Hội “Để anh gọi đội anh Đường lên làm”. Vài ngày sau, Tùng gọi điện cho Hoàng Phúc Đ để thuê phát phá rừng. Đường nói với Tùng “Để hôm nào lên xem đã thì mới biết”. Vài ngày sau, khi anh Đường cùng vợ là Lý Thị L đang đi chợ xã Cao Kỳ thì Tùng gọi cho Đường nói “Em đang ở trên đồi, anh chị lên xem đồi đi”. Lúc này, Hoàng Phúc Đ gặp vợ chồng anh Hoàng Phúc T, Triệu Thị T và hai mẹ con chị Triệu Thị L và cháu Bàn Phúc Tình trú cùng thôn cũng đang đi chợ. Anh Đường rủ Liễu, Tài, Thu, Lá cùng đi xem rừng để phát thuê thì mọi người đồng ý. Cả 06 người cùng đi lên khu rừng Khau Khoang thì gặp Tùng đang ở đó. Tại đây, Tùng đã đưa Đường, Liễu, Tài, Thu, Lá đi quanh khu rừng để chỉ diện tích cần phát phá. Sau đó, anh Tài nói với Tùng giá thuê phát phá toàn bộ khu rừng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), Tùng đã đồng ý với tất cả mọi người. Sáng ngày hôm sau, anh Đường, Tài, chị Thu, Liễu cùng mang dao lên phát phá khu rừng đã thỏa thuận với Tùng trước đó. Cùng thời điểm này thì Tùng, Hội, Thạch cùng với Hà Thị N, Nguyễn Văn Th, Hoàng Văn T, Âu Đình D (là những người được Hội thuê làm cỏ trước đó tại bãi keo giáp ranh, mới trồng) đang tập kết những đoạn gỗ mà Hội, Thạch cắt trước đó và bốc lên xe tắc xơ để Hội chở về nhà trọ của Hội tại thôn Bản Đồn, xã HM. Ngày tiếp theo trời mưa nên nhóm anh Đường nghỉ không đi phát. Đến ngày làm thuê thứ hai, nhóm anh Đường có thêm vợ chồng chị Triệu Thị L và Bàn Hữu T đi phát cùng. Ngày làm thuê thứ ba (ngày cuối cùng) thì anh Đường ra xưởng băm của Tùng tại thôn Bản Đồn, xã HM, gặp Hội và Hội đã đưa cho anh Đường 01 chiếc cưa lóc, sau đó anh Đường lên khu rừng Tùng thuê phát trước đó cùng với Tiên và Tài thay nhau dùng cưa lóc cắt những cây gỗ to còn lại. Những người khác tiếp tục dùng dao chặt các cây vầu và cây gỗ nhỏ bao gồm cả ở diện tích rừng mà Hội và Thạch đã cắt các cây to trước đó. Quá trình nhóm

anh Đường phát phá khu rừng trên, Hội là người đi kiểm tra, khi nhóm làm xong thì Hội mang cửa lóc về.

Sau khi xảy ra vụ việc, ngày 14/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CM phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường khu rừng bị chặt phá, xác định được: Khu rừng bị chặt phá thuộc lô 3, khoảnh 7 và lô 1 khoảnh 8, tiểu khu 407 theo Bản đồ diễn biến rừng năm 2018 xã HM (thuộc lô 2 và lô 3 khoảnh 7 tiểu khu 407 Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã HM). Diện tích rừng bị phát phá là 7.960m² (Bảy nghìn chín trăm sáu mươi mét vuông). Rừng bị phát phá là loại rừng sản xuất gỗ tự nhiên núi đất, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác. Số lượng lâm sản bị cắt hạ là: 143 cây gỗ nhóm IV đến nhóm VIII có khối lượng 20,561m³; 7.243 cây vầu.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 81/KL-HĐĐG ngày 31/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện CM kết luận: 143 cây gỗ các loại từ nhóm IV đến nhóm VIII có giá trị là 18.504.900đ (*Mười tám triệu năm trăm linh bốn nghìn chín trăm đồng*); 7.243 cây vầu có giá trị là 25.350.500đ (*Hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*). Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 43.855.400 đồng (*Bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm đồng*).

Vật chứng của vụ án gồm: Thu giữ 133 cây gỗ (từ nhóm IV đến nhóm VIII), có khối lượng là 18,944 m³ và 7.243 cây vầu; 01 (Một) chiếc cửa máy cưa tay (cửa lóc); 05 (năm) con dao. Còn 10 cây gỗ (tương đương 1,5m³ gỗ), Tùng, Hội đã đem về sử dụng, không thu hồi được. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 26/KL-HĐĐG ngày 20/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện CM kết luận 1,5m³ gỗ mà Tùng, Hội đã mang về sử dụng trị giá 1.350.000đ (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngày 04/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CM đã ra Quyết định số xử lý vật chứng trả lại số vật chứng là 133 cây gỗ (từ nhóm IV đến nhóm VIII), có khối lượng là 18,944 m³ và 7.243 cây vầu cho Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Số vật chứng còn lại gồm 01 cửa máy và 05 con dao đang được bảo quản theo quy định.

Ngày 10/3/2020, Ủy ban nhân dân huyện CM đã cử bà Hà Thị Minh Chín, Phó trưởng phòng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện CM là người đại diện tham gia tố tụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Hà Thị Minh Chín yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại bằng giá trị thiệt hại đã định giá tài sản, ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Ông Hoàng Hữu Đ và bà Hoàng Thị H là người được giao khoán rừng không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Ngày 08/9/2020, các bị cáo đã tự nguyện nộp mỗi bị cáo 2.000.000đ tại Chi cục Thi hành án huyện CM để bồi thường, khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của Ủy ban nhân dân huyện CM yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại đối với số gỗ không thu hồi được là 1,5m³ gỗ theo kết luận định giá có giá trị là 1.350.000đ. Các bị cáo xin được bồi thường mỗi bị cáo

là 2.000.000đ. Đại diện của Ủy ban nhân dân huyện CM chấp nhận mức bồi thường mà các bị cáo đề nghị.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cho rằng mình không phạm tội. Tuy nhiên, đến ngày 09/9/2020 Nguyễn Văn T đã tự viết bản tự khai, xin thay đổi lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Tùng đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra, Lý Văn H liên tục thay đổi lời khai, tuy nhiên Hội luôn thừa nhận hành vi phạm tội của mình và lúc thì nhận tội thay cho bị cáo Tùng, lúc lại thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Hội đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và Nguyễn Văn T.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 26/CT - VKSCM ngày 12/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lý Văn H phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.
- Đề nghị Hội đồng xét xử: + Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng.
- + Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Lý Văn H từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 đến 60 tháng.

Không yêu cầu áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện CM và các bị cáo về mức bồi thường, mỗi bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn số tiền: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc cửa lốc ; Tịch thu, tiêu hủy 05 con dao.

Đối với số lâm sản bị thiệt hại: Đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện CM là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lý Văn H nói lời sau cùng, có ý kiến mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất, xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CM, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Lý Văn H đã thành khẩn khai báo, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, những người liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 7 năm 2019 Nguyễn Văn T đã thuê người phát, phá 7.960m² rừng tại khu vực Khau Khoang, thôn Bản Đồn, xã HM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Đây là khu rừng mà trước đó Tùng đã nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Hữu Đ và bà Hoàng Thị H nhưng chưa làm thủ tục pháp lý. Tùng giao cho Lý Văn H (em nuôi của Tùng) vừa trực tiếp phát phá, vừa giám sát, kiểm tra và cùng thuê người phát phá khu rừng trên. Khu rừng bị phát phá thuộc lô 3 khoảnh 7 và lô 1 khoảnh 8 tiểu khu 407 theo Bản đồ diễn biến rừng năm 2018 xã HM là loại rừng sản xuất gỗ tự nhiên núi đất, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác, cải tạo. Gây thiệt hại về lâm sản với tổng khối lượng gỗ là 20,561m³ trị giá 18.504.900 (*Mười tám triệu năm trăm linh bốn nghìn chín trăm đồng*) và 7.243 cây vầu trị giá 25.350.500đ (*Hai mươi lăm triệu ba trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng*). Tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại là 43.855.400đ (*Bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm đồng*).

[3] Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);”

Cáo trạng số 26/CT - VKSCM ngày 12/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Hành vi của các bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm, tuy nhiên là đồng phạm giản đơn, Tùng thuê người phát phá rừng và giao cho Hội kiểm tra việc phát phá. Hội vừa trực tiếp phát phá, vừa thuê người phát phá, vừa kiểm tra.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Tùng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Bị cáo có ông, bà ngoại là người có công với cách mạng, được Nhà nước thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, huy chương kháng chiến; Nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ổn định, quá trình sinh sống tại địa phương chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi cuộc sống xã hội, mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục vẫn đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về vật chứng trong vụ án: Đối với 01 chiếc cửa máy (cửa lốc) nhãn hiệu BOONG HAY. ATK - 687 cũ đã qua sử dụng dài 80cm, phần lưỡi cửa dài 40cm, cao 26cm, phần rộng nhất của cửa rộng 26cm của Lý Văn H là công cụ, phương tiện phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước.

Đối với 05 con dao gồm: 01 con dao bằng kim loại dài 44cm, phần lưỡi dao dài 31cm, phần rộng nhất trên lưỡi dao rộng 05cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 13cm, đã qua sử dụng; 01 con dao bằng kim loại dài 41cm, phần lưỡi dao dài 27,8cm, phần rộng nhất trên lưỡi dao rộng 04cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 13,2cm, đã qua sử dụng; 01 con dao bằng kim loại dài 44cm, phần lưỡi dao dài 30cm, phần rộng nhất trên lưỡi dao rộng 05cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, đã qua sử dụng; 01 con dao bằng kim loại dài 39cm, phần lưỡi dao dài 26,1cm, phần rộng nhất trên lưỡi dao rộng 5,1cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 12,9cm, đã qua sử dụng; 01 con dao bằng kim loại dài 42cm, phần lưỡi dao dài 27cm, phần rộng nhất trên lưỡi dao rộng 4,5cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 15cm, đã qua sử dụng của Hoàng Phúc T, Hoàng Phúc Đ, Triệu Thị T, Bàn Hữu T, Triệu Thị L là công cụ, phương tiện để phát, phá rừng. Những người này có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu được lấy lại, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu, tiêu hủy vì không còn giá trị, giá trị sử dụng.

Đối với số lâm sản đã được bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện CM, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện CM chấp nhận số tiền 4.000.000đ của hai bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện CM để bồi thường, khắc phục hậu quả và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm. Cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này giữa nguyên đơn dân sự và các bị cáo.

Ông Hoàng Hữu Đ, bà Hoàng Thị H là chủ sử dụng hợp pháp khu rừng bị hủy hoại không có yêu cầu gì đối với các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Trong vụ án này, Hoàng Phúc Đ, Hoàng Phúc T, Lý Thị L, Bàn Hữu T, Triệu Thị L, Hoàng Hữu T là những người được Hội và Tùng thuê phát phá rừng nhưng những người này không biết khu rừng chưa được cơ quan chức năng cấp phép, mục đích chỉ phát phá để lấy tiền công. Hà Thị N, Nguyễn Văn Th, Hoàng Văn T, Âu Đình D cùng Hội và Tùng tập kết các cây gỗ lên xe tắc tơ để Hội vận chuyển về nhà nhưng Ngoan, Thành, Tình, Dược chỉ làm thuê cho Tùng và Hội để lấy tiền công. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý theo pháp luật hình sự những người trên là đúng theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với ông Hoàng Hữu Đ và bà Hoàng Thị H là người đứng tên quyền sử dụng đất khu rừng bị phát phá. Tuy nhiên, trước khi khu rừng bị phát phá, ông Đ và bà H đã thỏa thuận bán cho Nguyễn Văn T, việc Tùng thực hiện hành vi phát phá rừng, ông Đ và bà H không biết, không cùng hưởng lợi. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý ông Đ và bà H là có căn cứ.

[11] Tạm giữ số tiền các bị cáo đã tự nguyện nộp mỗi bị cáo 2.000.000đ theo biên lai thu tiền số 07566 và 07567, số quyền 152 ngày 08/9/2020 để bồi thường khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM để thi hành án.

[12] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lý Văn H phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 26 (Hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 (Năm mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã NH, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lý Văn H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã NH, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do cho bị cáo Lý Văn H nếu không bị giam giữ về một tội phạm khác.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu, hóa giá, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc cửa máy (cửa lóc) nhãn hiệu BOONG HAY. ATK - 687 cũ đã qua sử dụng dài 80cm, phần lưỡi cửa dài 40cm, cao 26cm, phần rộng nhất của cửa rộng 26cm của Lý Văn H.

Tịch thu, tiêu hủy 05 con dao gồm: 01 con dao bằng kim loại dài 44cm, phần lưỡi dao dài 31cm, phần rộng nhất trên lưỡi dao rộng 05cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 13cm, đã qua sử dụng; 01 con dao bằng kim loại dài 41cm, phần lưỡi dao dài 27,8cm, phần rộng nhất trên lưỡi dao rộng 04cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 13,2cm, đã qua sử dụng; 01 con dao bằng kim loại dài 44cm, phần lưỡi dao dài 30cm, phần rộng nhất trên lưỡi dao rộng 05cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, đã qua sử dụng; 01 con dao bằng kim loại dài 39cm, phần lưỡi dao dài 26,1cm, phần rộng nhất trên lưỡi dao rộng 5,1cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 12,9cm, đã qua sử dụng; 01 con dao bằng kim loại dài 42cm, phần lưỡi dao dài 27cm, phần rộng nhất trên lưỡi dao rộng 4,5cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 15cm, đã qua sử dụng của Hoàng Phúc T, Hoàng Phúc Đ, Triệu Thị T, Bàn Hữu T, Triệu Thị L.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa Công an huyện CM và Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện CM và các bị cáo về mức bồi thường. Mỗi bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 07566 và 07567, số quyền 152 ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, nguyên đơn dân sự. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- Công an huyện CM;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**